

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2025/DS-ST**
Ngày **28/10/2025**
Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Động**
2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST- DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 24/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-DS ngày 13/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Từ Minh H** - sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: số 235 Nguyễn Chí Thanh, khu phố Kinh 10B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp Kinh 10B, xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Xuân N** - sinh năm 1986

Bà **Nguyễn Thị O** - sinh năm 1976

Địa chỉ: số 160 Nguyễn Chí Thanh, khu phố Kinh 10B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp Kinh 10B, xã T, tỉnh An Giang.

(Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Từ Minh H trình bày:**

Do ông N , bà O bán quán nhậu tên Thanh Hiền và ở gần nhà của ông H , vì quen biết nên ngày 15/02/2023 bà O có hỏi vay ông H số tiền 300.000.000 đồng

(Ba trăm triệu đồng), để mua đất lãi thỏa thuận 1%/tháng, hai bên có làm biên nhận (giấy cho vay tiền), thời gian trả gốc ngày 15/02/2024, một quý đóng lãi 1 lần.

Ngày 02/3/2024 bà O có hỏi vay thêm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) hứa khoảng 1 tháng rồi trả cùng với số tiền gốc cũ 300.000.000 đồng.

Giấy vay tiền là do ông H viết, ông N và bà O trực tiếp ký tên và ghi họ tên trước mặt ông H. Từ khi làm giấy vay tiền thì ông N và bà O đã đóng lãi được 12 tháng, là đến ngày 14/02/2024 với số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) thì ông N, bà O không đóng nữa.

Ông H có đòi nhiều lần nhưng ông N và bà O chỉ hứa mà không trả.

Tổng cộng số tiền ông N và bà O vay của ông H là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa ông H yêu cầu: ông H yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O phải trả cho ông H số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Ông H chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 300.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 15/02/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, mức lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng.

*** Theo bản tự khai ngày 13/10/2025 bị đơn ông Hoàng Xuân N trình bày:**

Ông N và vợ là Nguyễn Thị O, sinh năm 1976 có bán quán nhậu Thanh Hiền ở Tân Hiệp, do cần vốn làm ăn nên ngày 15/02/2023 có vay của ông H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, đến ngày 02/3/2024 vợ chồng ông N có vay thêm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, ông N có đóng lãi cho ông H được 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Biên nhận nợ là do ông H viết, còn chữ ký bên vay là của ông N và vợ ông N tên Nguyễn Thị O là đúng.

Ông Hoàng Xuân N xác nhận còn thiếu ông H số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), hiện hoàn cảnh ông N làm ăn khó khăn nên ông N xin ông H không tính lãi, ông N chỉ trả gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), và xin được trả dần cho ông H mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ, khi ông N có tiền làm ăn được sẽ trả thêm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên, việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hai bên đều xác nhận ông Hoàng Xuân N và ông Từ Minh H tự nguyện giao kết hợp đồng vay tiền ngày 15/02/2023, ông N có vay của ông H hai lần với số tiền 350.000.000 đồng, ông N đã trả được tiền lãi 1 năm với số tiền 36.000.000 đồng, ông H chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 300.000.000 đồng từ ngày 15/02/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Minh H.

Buộc bị đơn ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O trả cho ông Từ Minh H số tiền 350.000.000 đồng, và tiền lãi theo mức hai bên thỏa thuận là 1%/tháng trên số tiền gốc 300.000.000 đồng, từ ngày 15/02/2024 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O có địa chỉ tại khu phố Kinh 10B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp Kinh 10B, xã T, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang. (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang).

Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, bị đơn ông Hoàng Xuân N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông Hoàng Xuân N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị O đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị O.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn ông Từ Minh H khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O phải thanh toán số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thị O chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của ông H tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bà Nguyễn Thị O

vắng mặt không đến Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà O không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Minh H yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O phải trả số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2025 bị đơn ông Hoàng Xuân N thừa nhận vợ chồng ông N , bà O có nợ ông Từ Minh H số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), đây là tình tiết, sự kiện có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự (**BL 42**).

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vợ chồng ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O phải trả cho nguyên đơn số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi của ông H yêu cầu ông N , bà O phải trả lãi từ ngày 15/02/2024 mức lãi 1%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận hai bên xác lập ngày 15/02/2023 có thoả thuận lãi là 1%/tháng. Do vậy ông N , bà O còn phải chịu lãi trên số nợ gốc 300.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng.

Số tiền gốc 300.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 15/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/10/2025 là 20 tháng 13 ngày, được tính như sau: $300.000.000đ \times 1\% \times 20 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 61.300.000 \text{ đồng}$ (Sáu mươi một triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 411.300.000 đồng (bốn trăm mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi 61.300.000 đồng (sáu mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

Đối với yêu cầu của ông Hoàng Xuân N về việc xin không tính lãi và chỉ trả số tiền gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), và xin được trả dần cho ông H mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ, khi ông N có tiền làm ăn được sẽ trả thêm. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu xin không tính lãi và trả dần của ông N nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ và các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự buộc vợ chồng ông N, bà O phải trả cho ông H số tiền 411.300.000 đồng (bốn trăm mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 61.300.000 đồng (sáu mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí trên số tiền trả cho ông H là 411.300.000 đồng, được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 20.452.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Từ Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.222.000 đồng (Chín triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013517 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - An Giang), do yêu cầu khởi kiện của ông H được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463; 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Minh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O.

2. Buộc ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O phải trả cho ông Từ Minh H số tiền vay vốn gốc và lãi là 411.300.000 đồng (bốn trăm mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 61.300.000 đồng (sáu mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O phải nộp án phí có giá ngạch là 20.452.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Từ Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.222.000 đồng (Chín triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013517 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – An Giang).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Hoàng Xuân N và bà Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến